

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Ông Nguyễn Đức Mạnh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Mai Phương –Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 139/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Chị PTT, sinh năm 1990. Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

*- Bị đơn:* Anh NVP, sinh năm 1988. Nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai nguyên đơn chị PTT trình bày:*

Chị và anh NVP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 6 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau được 7 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, vấn đề kinh tế và nuôi dạy con cái nên thường xuyên xảy ra cãi vã không tìm được tiếng nói chung. Đến tháng 9 năm 2018 anh NVP đi Đài Loan lao động, trong thời gian ở nước ngoài, anh NVP vẫn liên lạc với gia đình nhưng không gửi tiền về để lo kinh tế gia đình nên vợ chồng cãi nhau qua điện thoại. Từ đầu năm 2019 đến nay anh chị không liên lạc và không ai quan tâm đến nhau. Đến ngày 23/8/2022 anh NVP từ

Đài Loan trở về Việt Nam sống cùng nhà với bố mẹ đẻ của anh NVP ở địa chỉ tại thôn A, xã B, huyện C. Mặc dù đã được hai gia đình khuyên bảo nhưng mối quan hệ không cải thiện. Nay, chị PTT thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa chị và anh NVP đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh NVP.

Về con chung: Chị và anh NVP có 02 con chung là D, sinh ngày 10/5/2012 và E, sinh ngày 06/5/2014. Thời gian anh NVP ở Đài Loan chị nuôi dưỡng hai cháu, nay anh NVP đã trở về Việt Nam có công việc thu nhập ổn định nên chị PTT đề nghị để anh NVP được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh NVP tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh NVP tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong văn bản trình bày ý kiến của bị đơn gửi cho Tòa án, anh NVP trình bày:*

Anh thống nhất về quá trình kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị PTT. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn do vợ chồng xa nhau một thời gian, không quan tâm đến cuộc sống của nhau dẫn đến xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị PTT. Về con chung: Anh và chị PTT có 02 con chung là D, sinh ngày 10/5/2012 và E, sinh ngày 06/5/2014, anh đồng ý nuôi dưỡng hai cháu vì anh NVP đã về Việt Nam có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con thì anh và chị PTT tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh và chị PTT tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị PTT và anh NVP vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiếp tục giải quyết vụ án ly hôn giữa anh NVP và chị PTT.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án ly hôn. Bị đơn anh NVP tại thời điểm thụ lý vụ án sinh sống tại Đài Loan, nguyên đơn chị PTT hiện đang sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị PTT và bị đơn anh NVP đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị PTT và NVP kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hải Phòng ngày 27 tháng 6 năm 2011. Theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 7 năm, tuy nhiên đến cuối năm 2018 đến nay thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vấn đề kinh tế, nuôi dạy con cái nên thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung và không còn quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Nay, chị PTT nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Mặt khác, anh NVP cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị PTT do vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đề nghị ly hôn của chị PTT.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là D, sinh ngày 10/5/2012 và E, sinh ngày 06/5/2014, khi ly hôn anh chị thống nhất giao con chung D và E cho anh NVP nuôi dưỡng. Xét thỏa thuận của anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này của chị PTT và anh NVP. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao con chung D, sinh ngày 10/5/2012 và E, sinh ngày 06/5/2014 cho anh NVP nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị PTT và anh NVP tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị PTT là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị PTT và anh NVP được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị PTT.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị PTT ly hôn với anh NVP.

2. Về con chung: Giao con chung D, sinh ngày 10/5/2012 và E, sinh ngày 06/5/2014 cho anh NVP nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị PTT và anh NVP tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị PTT và anh NVP tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị PTT phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Chị PTT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0000513 ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị PTT và anh NVP được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã B, H C;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thanh Bình**